CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 2/2025

CTCP Nam Việt

Ngày 30/06/2025	17,250 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	6.1%	**-1.1%**	**-2.3%**

DT thuần
Q2/25
40.2
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 7.10| 21.3%
YoY: ▲ 11.6| 40.4%

LN thuần
Q2/25
9.55
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 6.70| 235%
YoY: ▼0.19| -2.0%

LN sau thuế
Q2/25
9.82
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 7.58| 338%
YoY: ▲ 0.65| 7.1%

Tỷ suất lãi EBIT
Q2/25
25.2%
YoY: +/-▲ 16.8%

ROE (TTM)
Q2/25
19.1%
YoY: +/-▲ 1.2%

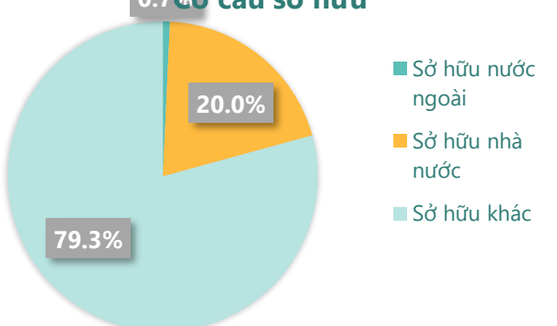
Sàn giao dịch	HSX
Khoảng giá 52 tuần	14,352 - 19,023
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	138
Số lượng CPLH (CP)	7,999,980
KLGD BQ 20 phiên (CP)	2,150
Sở hữu nước ngoài	0.7%
Beta	0.58
EPS	2,516
P/E	6.9

DT thuần
6T 2025
73.3
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 35.9| 95.7%

LN thuần
6T 2025
12.4
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 0.20| 2.0%

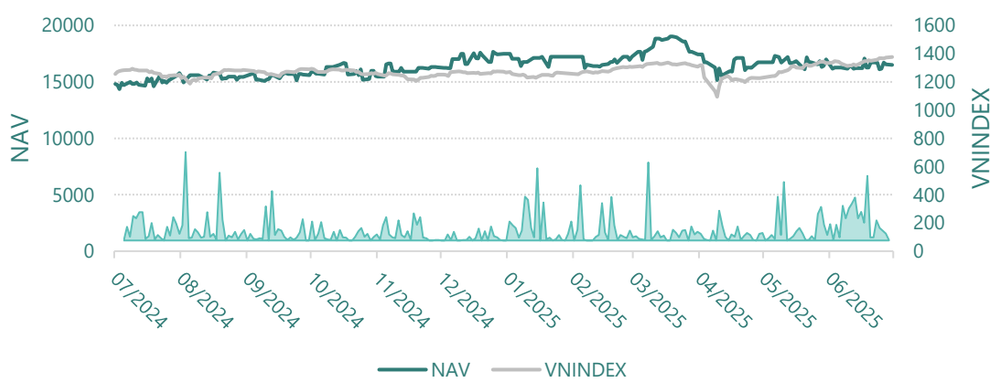
LN sau thuế
6T 2025
12.1
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 1.00| 8.6%

Cơ cấu sở hữu

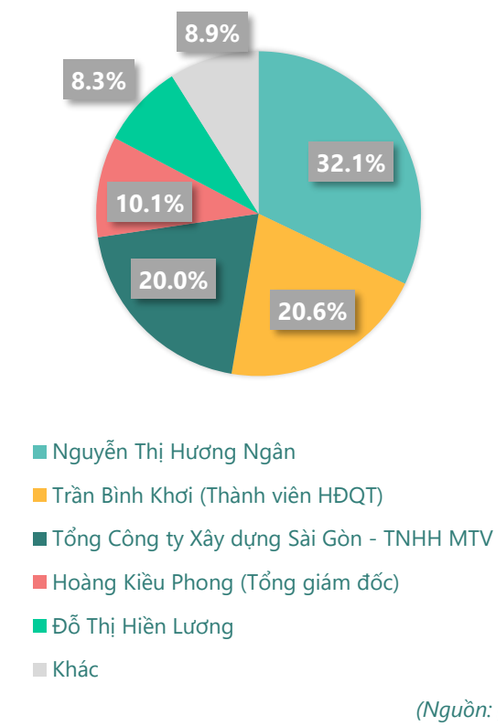


(Nguồn: fireant.vn)

Lịch sử giá



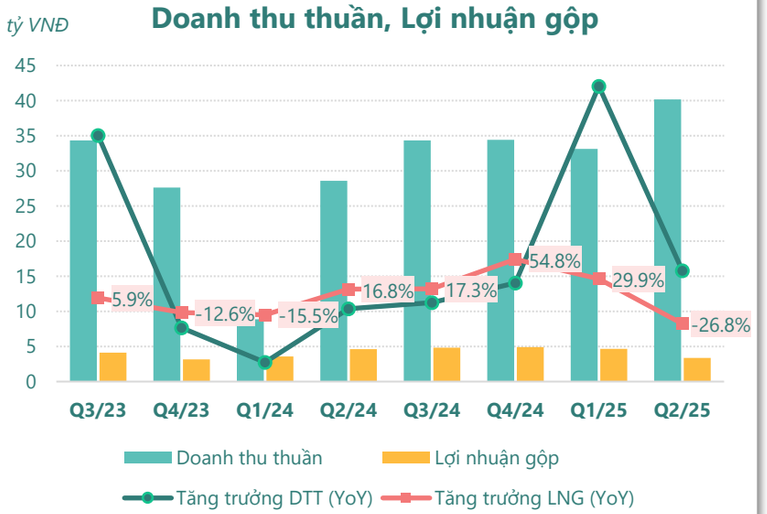
Cơ cấu cổ đông



(Nguồn: fireant.vn)

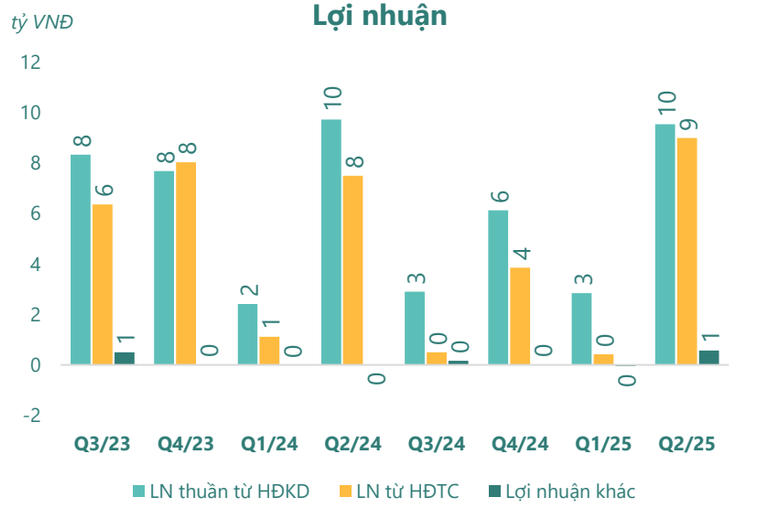
KẾT QUẢ KINH DOANH

Doanh thu thuần, Lợi nhuận gộp



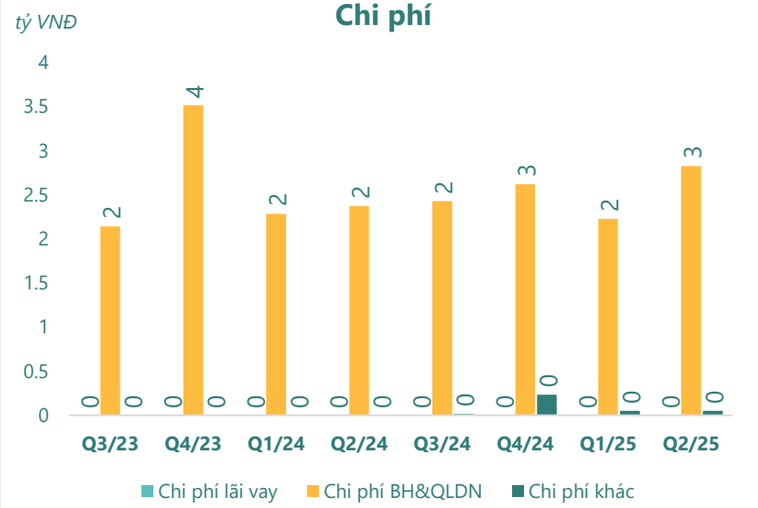
(Nguồn: fireant.vn)

Lợi nhuận



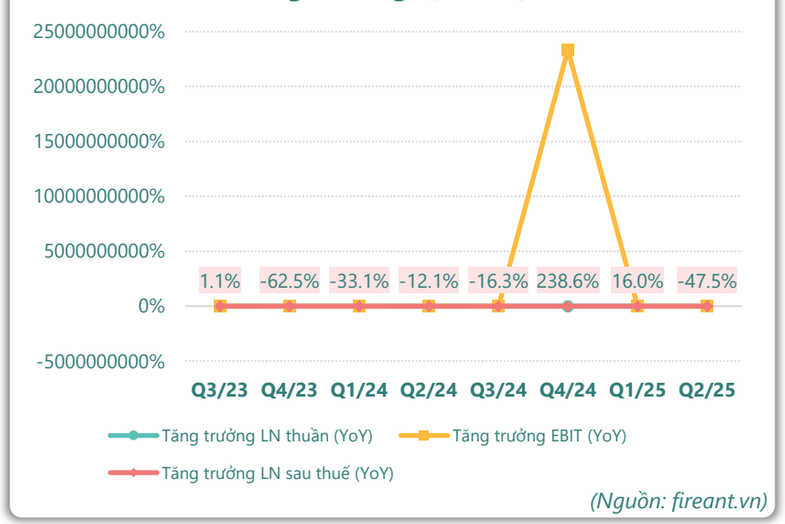
(Nguồn: fireant.vn)

Chi phí



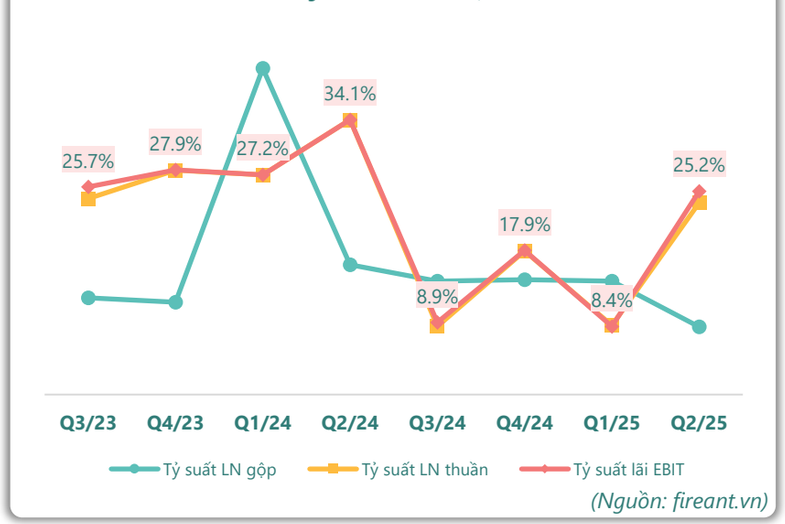
(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng lợi nhuận



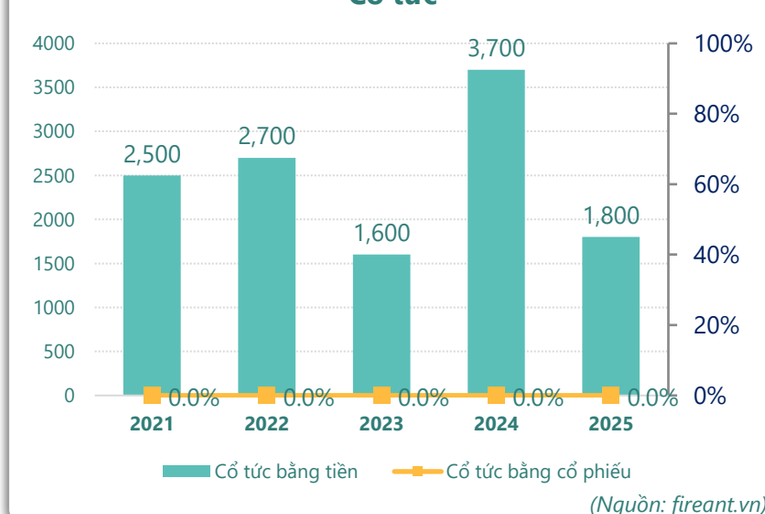
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



(Nguồn: fireant.vn)

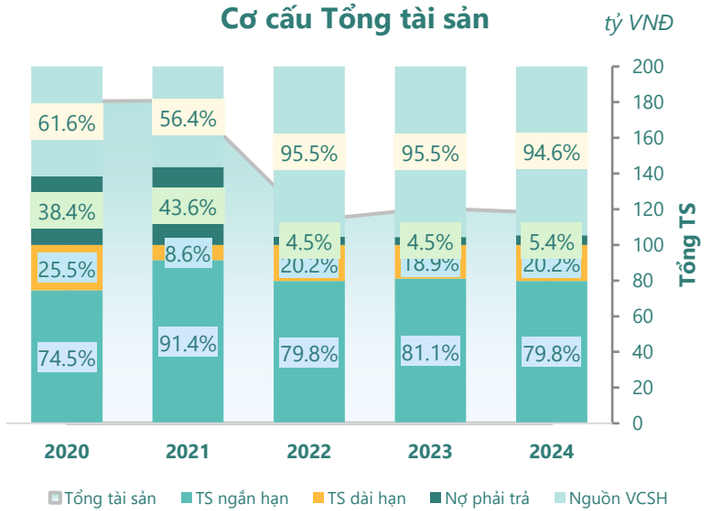
Cổ tức



(Nguồn: fireant.vn)

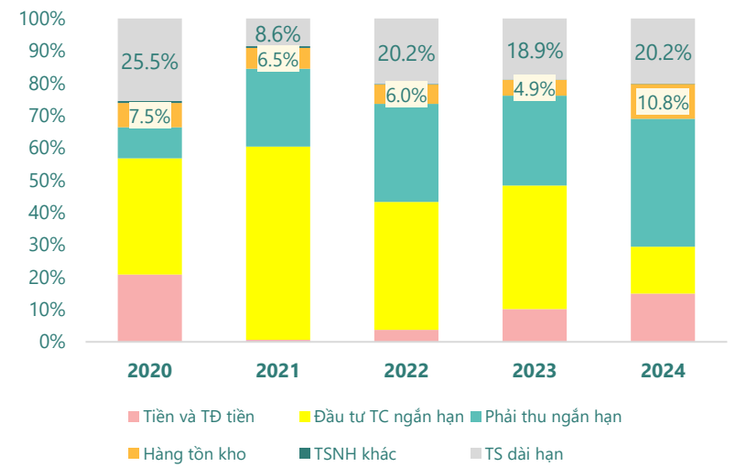
TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản



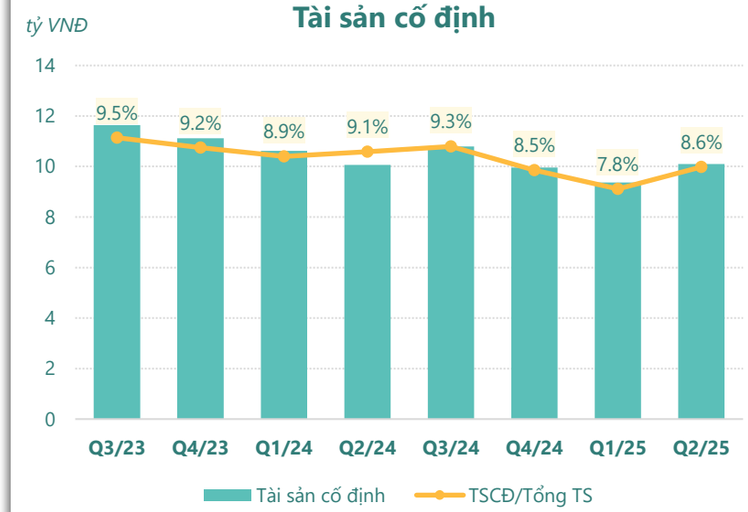
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



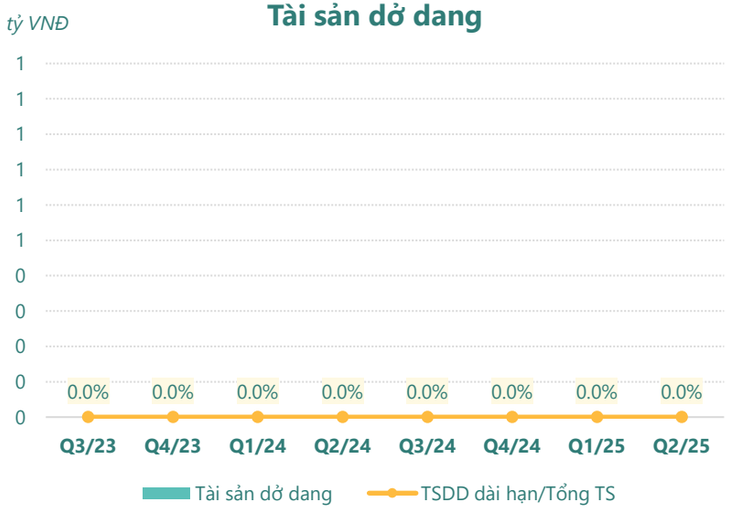
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



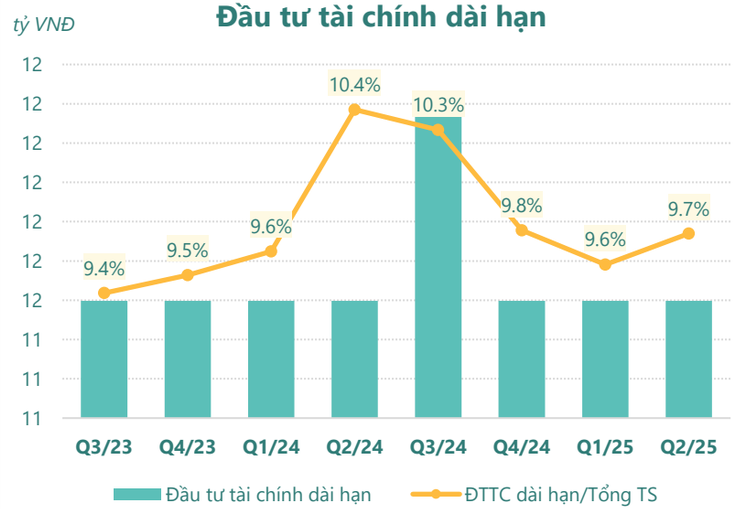
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



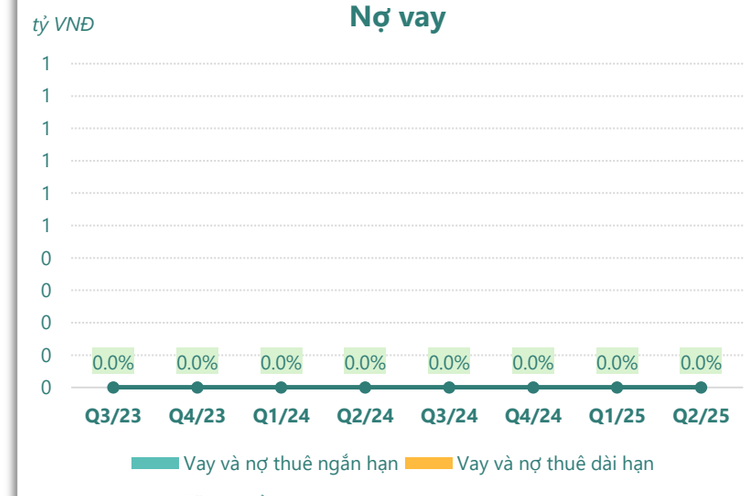
(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn



(Nguồn: fireant.vn)

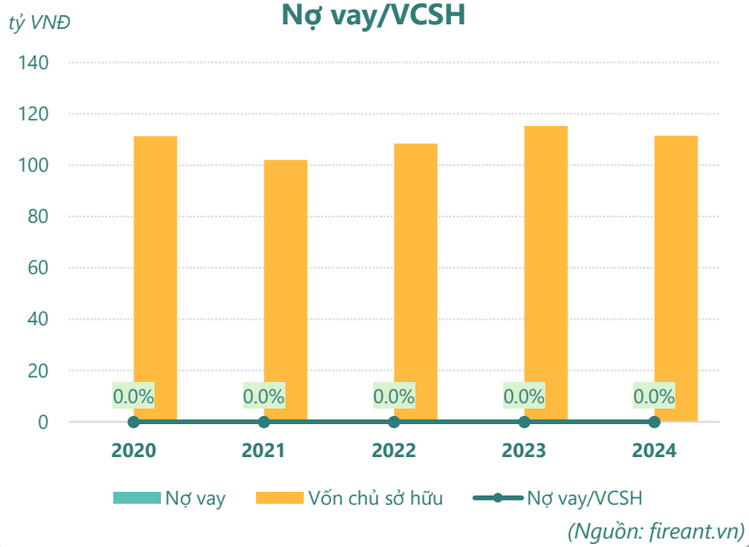
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

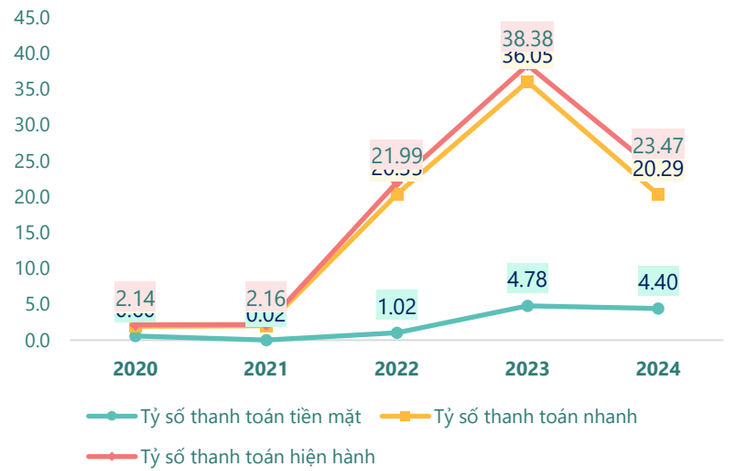
HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

Nợ vay/VCSH



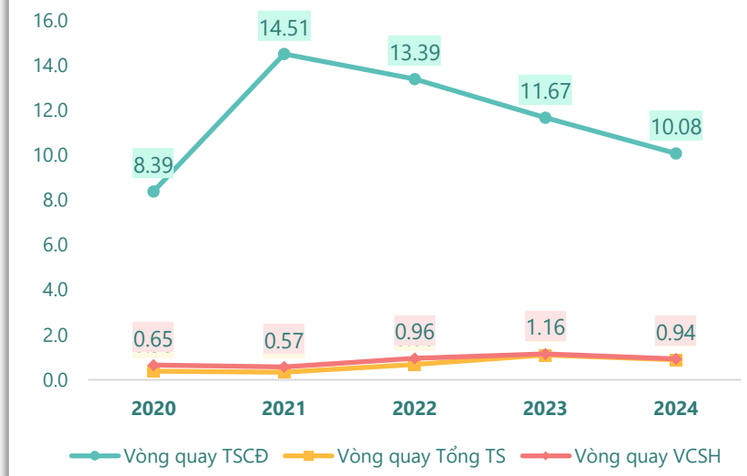
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



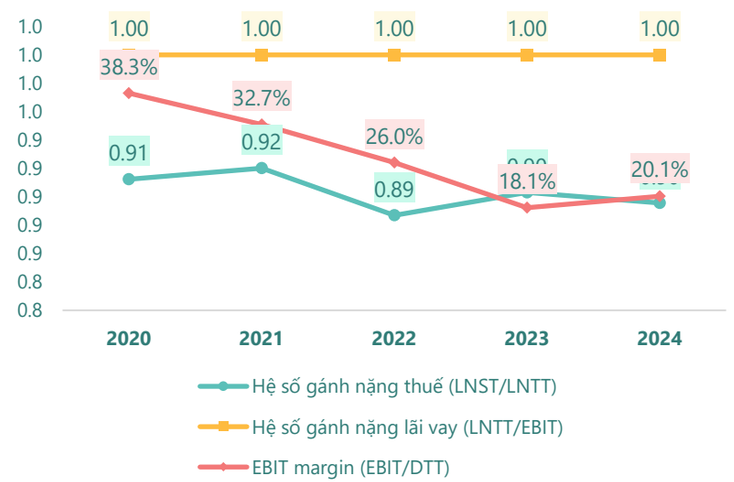
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



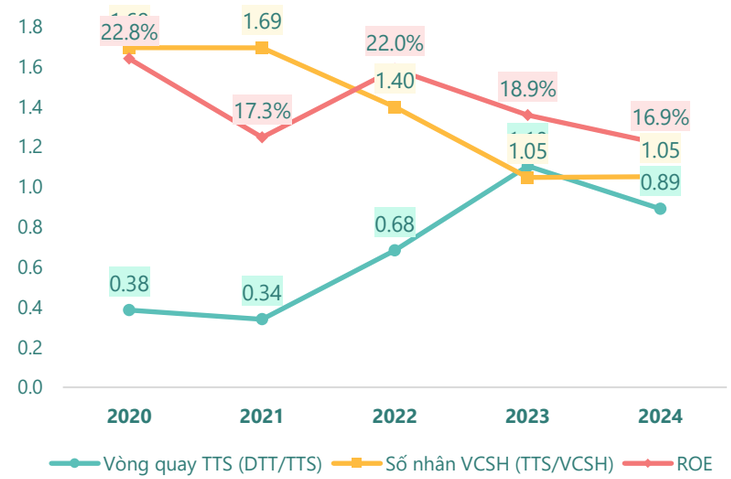
(Nguồn: fireant.vn)

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay



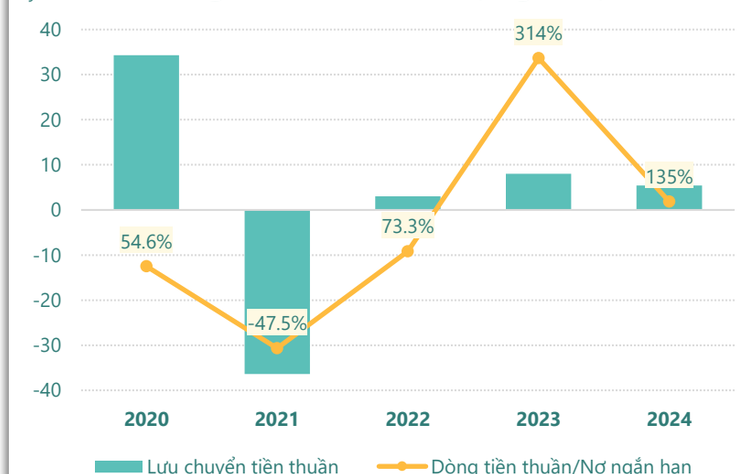
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản và ROE



(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q2/25	Q2/24	Thay đổi YoY	6T 2025	6T 2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**40.2**	**28.6**	**40.4%**	**73.3**	**37.4**	**95.7%**
Giá vốn hàng bán	36.8	24.0	53.3%	65.2	29.3	123%
Lợi nhuận gộp	3.37	4.60	-26.7%	8.02	8.19	-2.0%
Doanh thu HĐTC	9.00	7.51	19.9%	9.42	8.62	9.3%
Chi phí TC	0	0.00		0	0	
Chi phí lãi vay	0	0.00		0	0	
LN trong công ty LKLD	**0**	**0.00**		**0**	**0**	
Chi phí bán hàng	0.00	0.02	-89.2%	0.00	0.03	-91.0%
Chi phí QLDN	**2.82**	**2.35**	**20.1%**	**5.05**	**4.62**	**9.2%**
LN thuần từ HĐKD	9.55	9.74	-2.0%	12.4	12.2	2.0%
Lợi nhuận khác	**0.57**	**0.00**		**0.52**	**0.00**	**120193%**
LN trước thuế	10.1	9.74	3.9%	12.9	12.2	6.3%
Lợi nhuận sau thuế	**9.82**	**9.17**	**7.1%**	**12.1**	**11.1**	**8.6%**
LNST của CĐ cty mẹ	**9.82**	**9.17**	**7.1%**	**12.1**	**11.1**	**8.6%**

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ (tỷ VNĐ)	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	4.10	-20.4	3.02	4.84	3.33	2.08
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	14.6	31.3	-19.5	-5.88	-11.0	8.83
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-5.60	-16.0	0	0	-8.00	-8.00
Tiền đầu kỳ	12.2	25.3	20.1	3.67	17.6	1.99
Lưu chuyển tiền thuần	**13.1**	**-5.13**	**-16.4**	**-1.04**	**-15.6**	**2.90**
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	25.3	20.1	3.67	2.63	1.99	4.89

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/6/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	**118**	**118**	**0.2%**
Tài sản ngắn hạn	93.3	94.1	-0.9%
Tiền và tương đương tiền	4.89	17.6	-72.3%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	22.1	17.0	30.0%
Phải thu ngắn hạn	52.6	46.6	12.8%
Hàng tồn kho	10.7	12.7	-15.7%
Tài sản ngắn hạn khác	3.01	0.14	2003%
Tài sản dài hạn	**24.8**	**23.8**	**4.2%**
Phải thu dài hạn	0.40	0.45	-11.1%
Tài sản cố định	10.1	9.96	1.4%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	0	1.62	-100%
Đầu tư tài chính dài hạn	11.5	11.5	0.0%
Tài sản dài hạn khác	**2.77**	**0.23**	**1122%**
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	11.3	6.34	78.4%
Nợ ngắn hạn	**8.65**	**4.01**	**116%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	0	0	
Phải trả người bán ngắn hạn	2.35	0	
Nợ dài hạn	2.67	2.33	14.3%
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	**107**	**112**	**-4.3%**
Vốn chủ sở hữu	**107**	**112**	**-4.3%**
Vốn điều lệ	80.0	80.0	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)